

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2022
Về tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng
Ông Huỳnh Thanh Trà

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Minh Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 121/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2022, về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/8/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Hùng V, sinh năm 1995; Địa chỉ: K275/15 đường Nguyễn Chí Thanh, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Kim A, sinh năm 1995; Địa chỉ: K257/61 Phan Châu Trinh, phường N, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hùng V như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Hùng V và bà Trần Thị Kim A kết hôn vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận C, TP Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau thời gian kết hôn gần 03 năm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung, gia đình chúng tôi đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn nếu có kéo dài cũng không có hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà A.

Về con chung: Ông V và bà A có 01 con chung là: Võ Hùng Q, sinh ngày 12/12/2019. Ly hôn, nguyện vọng của ông V là giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông V xác định không có.

** Bị đơn bà Trần Thị Kim A có ý kiến:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất như lời trình bày của ông V về thời gian, điều kiện kết hôn. Về mâu thuẫn vợ chồng, khi bà và ông V kết hôn được 01 năm thì có xảy ra sự việc về chuyện tình cảm, chủ yếu là do kinh tế nhưng chưa đến mức trầm trọng nay bà muốn đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình cho con có đầy đủ ba mẹ.

Về con chung: Bà xác định có 01 con chung là: Võ Hùng Q, sinh ngày 12/12/2019 cháu hiện nay đang ở với cả ba và mẹ. Nguyên vọng của bà là được đoàn tụ nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà xin được nuôi con và đồng ý anh V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ như ý kiến của anh V.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ông Võ Hùng V được ly hôn bà Trần Thị Kim A; Về con chung đề nghị giao con chung cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ; Về tài sản chung và nợ chung các bên đương sự xác định không có nên Viện kiểm sát không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung: Ông Võ Hùng V và bà Trần Thị Kim A kết hôn vào năm 2019, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng theo Giấy đăng ký kết hôn số 61/20109. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2] Quá trình chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo ông V trình bày là do tính tình và không cùng quan điểm sống, quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có tiếng nói chung, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Tại phiên tòa ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn bà A. Tại biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa, bà A cho rằng có xảy ra mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế, bà xác định

ông V không còn tình cảm với bà, vợ chồng đã sống ly thân nhau 01 năm nay nhưng bà vẫn có nguyện vọng xin được đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình. Qua đánh giá chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự xác định ông V không còn tình cảm với bà A mà bà A vẫn còn dành tình cảm cho ông V có nghĩa là bà A đang ở trong mối quan hệ tình cảm “chỉ từ một phía” vì thế nếu bà A cố gắng thì cũng không mang lại hạnh phúc, do đó mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của ông V là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: ông V và bà A xác định có 01 con chung là: Võ Hùng Q, sinh ngày 12/12/2019. Ly hôn, nguyện vọng của ông V là giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù nguyện vọng bà A được đoàn tụ nhưng nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì bà cũng xin được nuôi con và đồng ý ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ. Đó đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn giao con cho bà A trực tiếp nuôi dưỡng, ông V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ là có căn cứ phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự xác định không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và Án phí về cấp dưỡng nuôi con ông V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Hùng V về tranh chấp “Ly hôn” đối với bà Trần Thị Kim A.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Võ Hùng V được ly hôn bà Trần Thị Kim A.

2. Về con chung: Giao con Võ Hùng Q, sinh ngày 12/12/2019 cho bà Trần Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng ông Võ Hùng V cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự đều được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên đều được thực hiện quyền yêu cầu thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông V và bà A xác định không có nên không đề cập đến.

4. *Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) và *Án phí về cấp dưỡng nuôi con* 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) ông Võ Hùng V phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005972 ngày 05/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, ông V đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải tiếp tục nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) Án phí về cấp dưỡng nuôi con.

5. *Quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- CCTHADS Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng;
- UBND phường N, quận C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Lưu Thị Hằng

